

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 55/2022/HS-ST

Ngày: 25-3-2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đoàn Hồng Hải.

Bà Nguyễn Thị Minh Loan.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N tham gia phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022; tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2022/TLST-HS ngày 04-3-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HS ngày 10-3-2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn D (tên gọi khác: Vũ Minh D) - sinh năm 1978 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 3 + 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân Thiện và bà Trần Thị Loan; có vợ Vũ Thị Thục (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28-6-2010 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 11-5-2016 Tòa án nhân dân Thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 39 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị tạm giữ từ ngày 13-12-2021,

sau đó chuyển tạm giam từ ngày 22-12-2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người làm chứng:* Ông Phạm Hữu H, anh Trần Quốc V (không triệu tập tới phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 25 phút ngày 13-12-2021, Tổ công tác Công an phường Cửa Nam, thành phố N làm nhiệm vụ tại khu vực khúc cua thuộc tổ 1 Đ, xã N, Thành phố N phát hiện Vũ Văn D đang điều khiển xe máy biển kiểm soát F2-8817 một mình có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra, D đã tự giác giao nộp từ tay phải cho Tổ công tác 01 gói nilong màu đen, mở kiểm tra bên trong có 06 gói nhỏ đều bọc bằng giấy bạc màu trắng, trong đều có chứa chất bột dạng cục màu trắng (D khai là Heroine vừa mua về để sử dụng). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng, đưa D và mời người làm chứng về trụ sở Công an phường C lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tổ công tác còn tạm giữ của D 01 xe máy biển kiểm soát F2-8817 và 01 điện thoại di động màu đen (đã cũ).

Bản Kết luận giám định số 1576/GĐKTHS ngày 20-12-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận vật chứng thu giữ của Vũ Văn D được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Tổng khối lượng mẫu: 0,211 gam (không phân hai một một gam).

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn D khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và khai nhận nguồn gốc số ma túy trên như sau: Khoảng 04 giờ 45 phút ngày 13-12-2021, D đi xe máy biển kiểm soát F2-8817 một mình từ nhà đến khu vực đường ven sông Đào, tổ 1 Đ, xã N, thành phố N gặp và mua của một người phụ nữ (không rõ tên tuổi, địa chỉ) 06 gói Heroine được gói bằng giấy bạc màu trắng (tất cả được gói trong 01 gói nilong màu đen) với giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, D cầm gói ma túy vừa mua được trong tay phải rồi điều khiển xe máy đi tìm nơi sử dụng. Khi D đi đến khu vực khúc cua thuộc tổ 1 Đ, xã N, thành phố N thì bị phát hiện, bắt giữ như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 68/CT-VKSTPNĐ ngày 03-3-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Vũ Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Vũ Văn D xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay dùng nhục hình. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng và khai nhận biết rõ hành vi cất giữ trái phép ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do nghiện ma túy nên đã tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Văn D theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 27 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ số ma túy thu giữ của bị cáo. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động màu đen (đã cũ) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Văn D có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng; lời khai của những người làm chứng; bản Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 05 giờ 25 phút ngày 13-12-2021, tại khu vực khúc cua thuộc tổ 1 Đ, xã N, thành phố N, Vũ Văn D đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,211 gam Heroine mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn Thành phố N, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng là đối tượng có nhân thân xấu.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo Vũ Văn D là đối tượng có nhân thân xấu đã được giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy trong phong bì niêm phong số 1576/GĐKTHS là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động màu đen (đã cũ) là tài sản của bị cáo Vũ Văn D, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo, song tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho Vũ Văn D, do chưa đủ căn cứ kết luận nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố N đã tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát F2-8817, Vũ Văn D khai mượn của anh Vũ Văn Sỹ, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 3 + 4, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (là em trai của D). Do anh Vũ Văn Sỹ không biết việc D mượn xe đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố N đã trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát F2-8817 cho chủ sở hữu hợp pháp anh Vũ Văn Sỹ là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Vũ Văn D bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 13 tháng 12 năm 2021.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy trong phong bì niêm phong số 1576/GĐKTHS. Trả lại cho bị cáo Vũ Văn D 01 điện thoại di động màu đen (đã cũ) (vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-02-2022) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Văn D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Vũ Văn D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. N (02 bản);
- Công an TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Nguyên**

